

Bản án số: **14/2022/DSST**
Ngày 19-4-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Thanh L** – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh S1** – 1954

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Theo Giấy ủy quyền ngày 08/4/2022.

*** Bị đơn:** Anh **Võ Văn D** (Võ Văn L1) (vắng mặt lần 2, không lý do)

Chị **Huỳnh Thị Thu S** (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: tổ 9, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh S1 trình bày:***

Nguyên trước đây vào ngày 07/3/2017, anh Nguyễn Thanh L có cho anh Võ Văn D (tên thường gọi là Võ Văn L1) vay số tiền là 20.000.000đ, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất vay là 20.000đ/1.000.000đ/tháng, tương đương 400.000đ/tháng, với mục đích để anh D mua phân bón cho ruộng lúa gia đình. Khi vay hai bên có làm biên nhận viết tay, do anh L viết và anh D ký tên. Trong biên nhận viết tên Võ Văn L1 và Võ Văn D là cùng một người. Đến hạn trả nợ dù anh L đã đến nhà anh D đòi nhiều lần, nhưng anh D chỉ trả cho anh L được số tiền lãi của 7 tháng là 2.000.000đ, do anh D mang đến nhà anh L trả trong một lần vào ngày 07/10/2017. Từ đó về sau anh D không đóng lãi nữa. Sau đó đến ngày 16/8/2019, anh D viết cam kết là trong vòng 30 ngày kể từ ngày 16/8/2019 sẽ trả cho anh L số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại 10.000.000đ thì ngày 16/10/2019 anh D sẽ trả đủ cho anh L.

Nhưng từ đó đến nay anh D vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho anh L. Anh L xác định chữ ký mang tên Võ Văn L1 trong Biên nhận ngày 07/3/2017 và chữ ký mang tên Võ Văn D trong Cam kết ngày 16/8/2019 là do anh D ký và nội dung Cam kết ngày 16/8/2019 cũng là do chính tay anh D viết. Giữa anh L và vợ chồng anh D là chỗ thân thiết nên việc vay tiền này chỉ có anh D ký tên nhưng anh L xác định vợ anh D là chị Huỳnh Thị Thu S biết việc vay tiền này vì anh D nói là vay về mua phân bón cho lúa của gia đình.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh S1 yêu cầu anh Võ Văn D và chị Huỳnh Thị Thu S phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền là 20.000.000đ và tiền lãi trên số nợ gốc với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/11/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
- + Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo

quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của bị đơn và không tuân thủ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L, buộc anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật (20%/năm) từ ngày 01/11/2017 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Nguyễn Thanh L và anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D, chị S vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn là ông S1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị S, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S.

- **Về nội dung tranh chấp:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, khi vay giữa các bên có làm Biên nhận ngày 07/3/2017, có anh Nguyễn Thanh L và anh Võ Văn D cùng ký tên, theo đó anh D có vay của anh L số tiền là 20.000.000đ, thời hạn vay là 6 tháng, thỏa thuận lãi suất vay là 20.000đ/1.000.000đ/tháng, tương đương 400.000đ/tháng. Đồng thời, đến ngày

16/8/2019, anh D viết cam kết là trong vòng 30 ngày kể từ ngày 16/8/2019 sẽ trả cho anh L số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại 10.000.000đ thì ngày 16/10/2019 anh D sẽ trả đủ cho anh L. Trong quá trình vay này anh D chỉ trả cho anh L được số tiền lãi của 7 tháng là 2.000.000đ vào ngày 07/10/2017. Như vậy, anh D đã không thực hiện đúng thỏa thuận về thời hạn vay, về việc trả nợ gốc và lãi, cũng như không thực hiện đúng cam kết trả nợ - là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh L là có căn cứ.

Xét yêu cầu của anh L về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Thu S (vợ anh Võ Văn D) cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy, việc vay tiền giữa anh L và anh D diễn ra trong một thời gian dài, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh D và chị S, khoản vay nợ này của anh D ít nhiều cũng phục vụ nhu cầu thiết yếu và phát triển kinh tế của gia đình anh chị. Vì vậy, căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; nên việc anh L yêu cầu chị S cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ với anh D là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh L về việc yêu cầu anh D, chị S phải trả cho anh L số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

[2] Về lãi suất: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L về việc yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 20.000.000đ với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/11/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận về việc tính lãi nên việc anh L yêu cầu tính lãi trên nợ gốc là có căn cứ. Tuy nhiên, trong Biên nhận ngày 07/3/2017 hai bên thỏa thuận lãi suất vay 20.000đ/1.000.000đ/tháng (400.000đ/tháng), tương đương 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời anh L cũng có yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm. Mặt khác, ngày 07/10/2017 anh D đã trả cho anh L số tiền lãi là 2.000.000đ tương ứng với thời gian 7 tháng (từ ngày 07/3/2017 đến 07/10/2017) nên việc tính lãi sẽ chỉ được tính từ ngày 01/11/2017 trở về sau. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ ngày 01/11/2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[3] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng

minh của đương sự, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và lãi suất.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

- Buộc anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Tiền lãi trên số nợ gốc 20.000.000đ từ ngày 01/11/2017 – 19/4/2022: $(20.000.000đ \times 53 \times 1.667\%) + (20.000.000đ + 18 \times 0,055\%) = 17.670.200đ + 198.000đ = 17.868.200đ$.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L được chấp nhận nên anh L không phải chịu án phí.

Buộc anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S phải nộp án phí là $37.868.200đ \times 5\% = 1.893.410đ$.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S.

2. Buộc anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S phải trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 17.868.200đ, tổng cộng là: 37.868.200đ

(Ba mươi bảy triệu tám trăm S mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S phải nộp án phí là $37.868.200đ \times 5\% = 1.893.410đ$ (Một triệu tám trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm mười đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Thanh L số tiền là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008370, ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Võ Văn D, chị Huỳnh Thị Thu S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo